

Số: /2022/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2022

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT
về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia
các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai
năm 2023, giai đoạn 2023 - 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015.

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Dự thảo Nghị quyết về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2023, giai đoạn 2023 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai áp dụng cho năm 2023, giai đoạn 2023-2025.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa, các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã).

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc **phân cấp và** chấp hành dự toán thu ngân sách nhà nước.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm phân chia giữa các cấp ngân sách

- Kế thừa các quy định về phân cấp nguồn thu theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2022, giai đoạn 2022-2025.

- Việc xác định và xây dựng lại tỷ lệ điều tiết, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) phân chia theo quy định của Quốc hội cho năm 2023, giai đoạn 2023-2025.

Điều 3. Phân cấp cơ quan thuế trong việc quản lý đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

Tiếp tục thực hiện và vận dụng Thông tư số 127/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc cấp mã số doanh nghiệp thành lập mới và phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp; Quyết định số 2845/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định phân công cơ quan thuế quản lý đối với người nộp thuế và các văn bản khác có liên quan. Trong quá trình điều hành ngân sách thì thực hiện theo quy định của các văn bản tại thời điểm có hiệu lực hoặc thay thế.

Điều 4. Phân cấp nguồn thu, tỷ lệ điều tiết giữa các cấp ngân sách

a) Thu từ doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài quốc doanh gồm:

- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ như: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt và các khoản tiền phạt chậm nộp tương ứng do Cục thuế quản lý thu thì phân chia theo tỷ lệ về ngân sách tỉnh, do Chi Cục thuế quản lý thu phân chia theo tỷ lệ về ngân sách cấp huyện.

Riêng thu từ các hộ gia đình, cá nhân kinh doanh (hộ thuế khoán) thực hiện phân chia theo tỷ lệ điều tiết giữa ngân sách trung ương và ngân sách xã.

- Khoản thu thuế tài nguyên (trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) và tiền phạt chậm nộp được phân cấp như sau:

+ Do Cục thuế quản lý thu điều tiết 100% về ngân sách tỉnh.

+ Do Chi Cục thuế quản lý thu điều tiết 100% về ngân sách huyện.

b) Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được phân chia theo tỷ lệ điều tiết giữa ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh.

c) Thuế thu nhập cá nhân: do Cục thuế quản lý thu thì phân chia theo tỷ lệ về ngân sách tỉnh, do Chi Cục thuế quản lý thu phân chia theo tỷ lệ về ngân sách cấp huyện.

d) Thuế bảo vệ môi trường: do Cục thuế quản lý thu thì phân chia theo tỷ lệ về ngân sách tỉnh, do Chi Cục thuế quản lý thu phân chia theo tỷ lệ về ngân sách cấp huyện.

* Riêng thu thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu thực hiện theo khoản 4 Điều 1 Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính. Trong quá trình điều hành ngân sách thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

e) Thu lệ phí trước bạ thì ngân sách huyện hưởng 100%.

Riêng lệ phí trước bạ nhà đất ngân sách huyện hưởng 50%, ngân sách xã hưởng 50%

f) Các loại phí, lệ phí do cơ quan cấp nào nào tổ chức thu thì cơ quan đó hưởng 100%. Riêng:

+ Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải ngân sách tỉnh hưởng 100%.

+ Lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị phương tiện giao thông ngân sách tỉnh hưởng 100%.

+ Lệ phí môn bài thì ngân sách xã hưởng 100%.

g) Tiền sử dụng đất:

g1) Ngân sách cấp tỉnh được hưởng 40% (Trong đó trích tạo vốn cho Quỹ phát triển đất 30%; trích tạo vốn Quỹ phát triển nhà 10%); Ngân sách cấp huyện được hưởng 60% để chi đầu tư phát triển.

Riêng các khoản thu từ các dự án bán đấu giá quyền sử dụng đất có giá trị trúng đấu giá từ 100 tỷ đồng trở lên/cuộc đấu giá ngân sách tỉnh được hưởng 100% để chi đầu tư phát triển, cụ thể:

- Bố trí vốn cho các dự án cấp thiết của cấp tỉnh và cấp huyện, trong đó ưu tiên bố trí cho các dự án trọng điểm của tỉnh.

- Trường hợp các huyện, thành phố có dự án bán đấu giá quyền sử dụng đất nêu trên không đạt dự toán thu cân đối tiền sử dụng đất để chi đầu tư phát triển được giao hàng năm, ngân sách cấp tỉnh sẽ bổ sung nguồn còn thiếu cho ngân sách cấp huyện nhưng số bổ sung không vượt quá số thu của các dự án bán đấu giá quyền sử dụng đất nêu trên.

Các khoản tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh được hưởng 100%.

g2) Đối với khoản thu tiền sử dụng đất thuộc Dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành (theo khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 53/2017/QH ngày 24 tháng 11 năm 2017) điều tiết về ngân sách trung ương 100%.

g3) Trường hợp ghi thu ghi chi ngân sách cấp nào thực hiện ngân sách cấp đó hưởng 100%.

g4) Đối với tiền sử dụng đất tương đương giá trị quỹ đất 20% trong các dự án khu đô thị mới, dự án nhà ở thương mại (theo điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh) ngân sách tỉnh hưởng 100%. Trong quá trình điều hành ngân sách thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

h) Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế sử dụng đất nông nghiệp do Cục Thuế quản lý thu thì ngân sách tỉnh hưởng 100%, Chi cục Thuế quản lý thu thì ngân sách huyện hưởng 100%, do xã tổ chức thu thì xã hưởng 100%.

i) Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và tiền phạt chậm nộp do Cục Thuế quản lý thu thì ngân sách tỉnh hưởng 100%, Chi cục Thuế quản lý thu thì ngân sách huyện hưởng 100%.

Riêng tiền thuê đất Dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành (theo khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 53/2017/QH ngày 24 tháng 11 năm 2017) điều tiết về ngân sách trung ương 100%. Trong quá trình điều hành ngân sách thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

j) Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước ngân sách tỉnh hưởng 100%.

k) Thu từ lĩnh vực xổ số kiến thiết; thu từ quỹ dự trữ tài chính; thu huy động vốn đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước ngân thì ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

l) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và tiền phạt chậm nộp: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 Thông tư số 61/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính về phân cấp nguồn thu giữa cơ quan trung ương và địa phương (cấp tỉnh). Trong quá trình điều hành ngân sách thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

m) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do Ủy ban nhân dân đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập

các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu: Ngân sách cấp tỉnh được hưởng 100%.

n) Các khoản thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản ngân sách cấp xã hưởng 100%.

o) Các khoản thu sự nghiệp; thu kết dư; thu chuyển nguồn; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên; thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên; thu huy động, đóng góp viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, các nhân (trừ các khoản thuộc thẩm quyền quy định tỷ lệ điều tiết riêng) thuộc ngân sách cấp nào cấp đó hưởng 100%.

p) Thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa trên địa bàn các huyện và thành phố: Cơ quan nhà nước thuộc cấp nào quyết định thì ngân sách cấp đó được hưởng 100%.

q) Các khoản thu khác ngân sách: Cơ quan nhà nước cấp nào quyết định thì ngân sách cấp đó được hưởng 100% (trừ các khoản thuộc thẩm quyền quy định tỷ lệ điều tiết riêng theo quy định).

Riêng thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa ngân sách tỉnh hưởng 100%.

(chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện tại các Kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 6: Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày _____ tháng _____ năm 202__

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2022, giai đoạn 2022-2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày__tháng__năm 202__ và có hiệu lực từ ngày __tháng__năm 202__./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành khối tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án Nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT; CV HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH